

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Chuyển đổi số
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Digital Transformation
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011711
1.6 Số tín chỉ:	2 (2LT)
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Kiến thức bổ trợ
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	
- Lý thuyết:	30
- Thực hành tích hợp	0
- Bài tập, thảo luận:	0
- Thực hành:	0
- Tự học:	70
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Chuyên ngành - Khoa Công nghệ thông tin
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần chuyển đổi số tập trung vào việc giảng dạy các khái niệm cơ bản về chuyển đổi số, các công nghệ và ứng dụng liên quan. Nội dung học phần bao gồm: Khái niệm chuyển đổi số, chiến lược và lộ trình chuyển đổi số doanh nghiệp, công nghệ và ứng dụng, đánh giá hiệu quả của các dự án chuyển đổi số, cũng như xác định các cải tiến cần thiết.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về chuyển đổi số, các công nghệ và ứng dụng liên quan, phân tích được các xu hướng và thách thức trong lĩnh vực chuyển đổi số, từ đó sẽ có khả năng đánh giá và lựa chọn các giải pháp chuyển đổi số phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức

- Hiểu rõ về các khái niệm liên quan đến chuyển đổi số, bao gồm cách các công nghệ số hoạt động, và tại sao chúng quan trọng đối với doanh nghiệp hiện đại
- Trình bày được các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, machine learning, blockchain, IoT, và biết cách ứng dụng chúng trong môi trường kinh doanh.

Kỹ năng

- phân tích các vấn đề liên quan đến chuyển đổi số, bao gồm việc xác định các vấn đề và cơ hội, và đưa ra các giải pháp phù hợp
- Có khả năng đánh giá và lựa chọn các công nghệ phù hợp nhất với mục tiêu và yêu cầu của doanh nghiệp.

Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

- Rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu, có khả năng làm việc nhóm.
- Ý thức về việc phát triển năng lực chuyên môn của cá nhân.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
	Kiến thức
CLO1	Giải thích các khái niệm chuyển đổi số một cách chi tiết và rõ ràng.
CLO2	Trình bày các công nghệ mới và ứng dụng của chúng trong môi trường kinh doanh
CLO3	Đánh giá được ảnh hưởng của chuyển đổi số đối với các ngành công nghiệp và doanh nghiệp cụ thể
CLO4	Đề xuất lộ trình cho quá trình chuyển đổi số, bao gồm các bước và mục tiêu cụ thể
	Kỹ năng
CLO5	phân tích các vấn đề và cơ hội liên quan đến chuyển đổi số và đề xuất các giải pháp hiệu quả
CLO6	Đánh giá và lựa chọn các công nghệ phù hợp nhất với mục tiêu và yêu cầu của doanh nghiệp cụ thể.
CLO7	Đánh giá hiệu quả của các dự án chuyển đổi số, xác định điểm mạnh và điểm yếu và đề xuất các cải tiến

	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm
CLO8	Rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm
CLO9	Hình thành ý thức nghiêm túc trong học tập

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1			R	R						
CLO 2			R	R						
CLO 3			R	R						
CLO 4			R	R						
CLO 5							R			
CLO 6							R			
CLO 7							R			
CLO 8									M	
CLO 9									M	
Tổng hợp học phần			R	R			R		M	

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1 - 2	Giới thiệu học phần: kế hoạch học tập, đề cương học phần, tài liệu tham khảo, cách đánh giá... Chương 1. KHÁI NIỆM CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI SỐ 1.1. Khái niệm và ý nghĩa của chuyển đổi số 1.2. Các ưu điểm và thách thức trong chuyển đổi số 1.3. Chiến lược chuyển đổi số: Tạo lập mục tiêu, xác định phạm vi và lên kế hoạch 1.4. Lộ trình chuyển đổi số Câu hỏi và thảo luận Bài tập chương 1	10	0	0	0	10	Thuyết giảng, đặt vấn đề, phân tích bài toán và thực hành	Xem trước bài giảng chương 1 và các tài liệu tham khảo theo định hướng của GV Làm các bài tập do GV yêu cầu
Tuần 3 - 4	Chương 2. CÔNG NGHỆ VÀ ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ 2.1. Giới thiệu các công nghệ chuyển đổi số 2.2. Ứng dụng của công nghệ chuyển đổi số trong các ngành công nghiệp.	10	0	0	0	30	Thuyết giảng, đặt vấn đề, phân tích bài toán và thực hành	Hoàn tất bài tập GV giao trong buổi học trước Xem trước bài giảng chương 2 và các tài

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	2.3. Ứng Dụng Chuyển Đổi Số Trong Doanh Nghiệp Câu hỏi và thảo luận Bài tập chương 2							liệu tham khảo theo định hướng của GV Làm các bài tập do GV yêu cầu
Tuần 5 - 6	Chương 3. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ CẢI TIẾN CHUYỂN ĐỔI SỐ 3.1. Các phương pháp đánh giá hiệu quả: ROI, KPIs, ROA 3.2. Xác định các cải tiến cần thiết dựa trên đánh giá hiệu quả 3.3. Lập kế hoạch triển khai cải tiến chuyển đổi số Câu hỏi và thảo luận Bài tập chương 3	10	0	0	0	30	Thuyết giảng, đặt vấn đề, phân tích bài toán và thực hành	Hoàn tất bài tập GV giao trong buổi học trước Xem trước bài giảng chương 3 và các tài liệu tham khảo theo định hướng của GV Làm các bài tập do GV yêu cầu
	Tổng cộng	30	0	0	0	70		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính:

[1]. Bộ thông tin truyền thông (2021), *Cẩm nang Chuyển đổi số*, NXB Thông tin và truyền thông

6.2 Tài liệu tham khảo:

[2]. OECD (2019), *Going Digital: Shaping Policies, Improving Lives*, OECD Digital Economy Papers, , OECD Publishing, Paris, <https://doi.org/10.1787/9789264312012-en>

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 50% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Chuyên cần, đóng góp vào bài học	Đánh giá tính chuyên cần và tích cực tham gia quá trình học tập	CLO10, CLO11	20%
2	Bài tập cá nhân/nhóm	Thống kê số lần thảo luận/thực hiện bài tập mẫu. Đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức và kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào bài tập ứng với từng buổi học. Khả năng làm việc nhóm, trình bày báo cáo	CLO1 – CLO4 CLO5 – CLO11	30%
3	Bài kiểm giữa kỳ	Đánh giá mức độ tiếp thu và tổng hợp logic khối kiến thức làm cơ sở vận dụng vào kỹ năng hoạch định, phân tích, đánh giá trong thực tiễn.	CLO1 – CLO9	50%
	TỔNG			100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Tiểu luận: Sinh viên sẽ thực hiện một tiểu luận về việc chuyển đổi số trong doanh nghiệp.	Đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức trong đồ án HP và vận dụng	CLO1 – CLO4	20%
	Đánh giá Kỹ năng tư duy logic	CLO5 – CLO9	60%

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Đề tài được Giảng viên [GV] giao, nộp theo quy định. Thực hiện theo cá nhân.	Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: tương tác của sinh viên; Khả năng tự học, tự nghiên cứu	CLO10, CLO11	20%
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Tham gia lớp học nghiêm túc, tuân thủ các quy định chung của nhà trường.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Nghiêm túc thực hiện các bài tập, bài kiểm tra trong mỗi buổi học.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên
- Sinh viên không làm việc riêng trong thời gian lên lớp, chỉ sử dụng các thiết bị phục vụ cho nội dung học tập và hoạt động tương ứng trong từng buổi học

8.3 Quy định về học vụ

- Sinh viên vắng vào các buổi có làm bài đánh giá cá nhân, nhóm sẽ bị 0 điểm đối với bài đánh giá đó.
- Thành viên nhóm thuyết trình không được vắng, nếu vắng sẽ không được làm bài kiểm tra thay thế.
- Các bài tập nhóm, cá nhân phải tuân thủ theo mẫu và thời hạn nộp theo quy định của giảng viên.

9. HOLISTIC RUBRIC

Rubic 1: Đánh giá chuyên cần, thái độ

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt	Không đạt
		10 - 8.5	8.4 - 7.0	6.9 - 5.0	4.9 - 0.0
Mức độ tham dự theo TKB	50%	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80 - 90% buổi học	Tham dự 70 - 80% buổi học	Tham dự <70% buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp

Rubric 2: Đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt	Không đạt
		10 - 8.5	8.4 - 7.0	6.9 - 5.0	4.9 - 0.0
Bài tập	100%	- Giải quyết đúng 100% yêu cầu của bài tập - Nộp bài đúng thời gian quy định	- Giải quyết đúng 70%-80% yêu cầu bài tập - Nộp bài đúng thời gian quy định	- Giải quyết đúng 50% - 70% yêu cầu bài tập - Nộp bài quá thời gian quy định	- Giải quyết đúng <50% yêu cầu bài tập - Nộp bài quá thời gian quy định

Rubric 3: Đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt	Không đạt
		10 - 8.5	8.4 - 7.0	6.9 - 5.0	4.9 - 0.0
Tổ chức và phối hợp tham gia thực hiện của các thành viên trong nhóm	10%	Từ 80% đến 100% thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 60% đến 80% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 40% đến 60% số lượng thành viên trở lên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	< 40% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm
Hình thức bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	15%	Đẹp, rõ ràng các bố cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), không lỗi chính tả	Đầy đủ các bố cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) rõ ràng, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Các bố cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) chưa rõ, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Sơ sài, không đầy đủ các bố cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), font chữ không đồng bộ, nhiều lỗi chính tả.
Nội dung	50%	Đáp ứng 100% yêu cầu của bài tập nhóm	Đáp ứng 70% - 80% yêu cầu	Đáp ứng 50% - 70% yêu cầu	Đáp ứng <50% yêu cầu

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt	Không đạt
		10 - 8.5	8.4 - 7.0	6.9 - 5.0	4.9 - 0.0
			của bài tập nhóm	câu của bài tập nhóm	câu của bài tập nhóm
Thuyết trình và trả lời câu hỏi	25%	Trả lời đúng từ 85% đến 100% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi được đặt ra

Rubric 4: Đánh giá kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt	Không đạt
		10 - 8.5	8.4 - 7.0	6.9 - 5.0	4.9 - 0.0
Bài tập	100%	- Giải quyết đúng 100% yêu cầu của bài tập - Nộp bài đúng thời gian quy định	- Giải quyết đúng 70%-80% yêu cầu bài tập - Nộp bài đúng thời gian quy định	- Giải quyết đúng 50% - 70% yêu cầu bài tập - Nộp bài quá thời gian quy định	- Giải quyết đúng <50% yêu cầu bài tập - Nộp bài quá thời gian quy định

Rubric 5: Đánh giá cuối kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt	Không đạt
		10 - 8.5	8.4 - 7.0	6.9 - 5.0	4.9 - 0.0
Đánh giá kỹ năng thiết kế bố cục	10%	Giải quyết đúng 85% - 100% yêu cầu	Giải quyết đúng 70% - 84% yêu cầu	Giải quyết đúng 50% - 70% yêu cầu	- Giải quyết đúng <50% yêu cầu
Đánh giá khả năng trình bày báo cáo đúng chuẩn công việc	10%	Giải quyết đúng 85% - 100% yêu cầu	Giải quyết đúng 70% - 84% yêu cầu	Giải quyết đúng 50% - 70% yêu cầu	- Giải quyết đúng <50% yêu cầu
Đánh giá kỹ năng trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo	10%	Giải quyết đúng 85% - 100% yêu cầu	Giải quyết đúng 70% - 84% yêu cầu	Giải quyết đúng 50% - 70% yêu cầu	- Giải quyết đúng <50% yêu cầu

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt	Không đạt
		10 - 8.5	8.4 - 7.0	6.9 - 5.0	4.9 - 0.0
Đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức; Kỹ năng tư duy logic trong hoạch định, phân tích, đánh giá vấn đề.	70%	Giải quyết đúng 85% - 100% yêu cầu	Giải quyết đúng 70% - 84% yêu cầu	Giải quyết đúng 50% - 70% yêu cầu	Giải quyết đúng <50% yêu cầu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2023

TUQ. Hiệu trưởng

Trưởng phòng QLKH

Trưởng khoa

PT. Bộ môn

PGS.TS Phan Thị Hằng Nga

TS. Trương Thành Công

TS. Trương Thành Công